TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Hoàng Sơn.

- Ông Lương Tú Huân.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2023/TLST - DS, ngày 20 tháng 3 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: đường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần K - Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk, kiêm Trưởng phòng giao dịch E theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 2272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 5 đường G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc người đại diện cho nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là ngân hàng S) trình bày:

Ngày 08/11/2016, bà Lê Thị H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng bản điều khoản, điều kiện

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) với Ngân hàng S. Căn cứ vào thu nhập của bà Lê Thị H, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.305.925 đồng. Qua nhiều lần làm việc, S đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu bà H trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng), S chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng).

Tính đến ngày 26/4/2023 bà H còn nợ số tiền gốc 7.310.295 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 3.193.008 đồng. Bà H phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/6/2023 theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với bị đơn bà Lê Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành làm việc được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H’Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bà Lê Thị H phải trả cho ngân hàng S số nợ gốc 7.310.295 đồng và lãi suất phát sinh theo như trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn ngân hàng S với bị đơn bà Lê Thị H là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt; mặt khác, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn cũng yêu cầu không tiến hành hòa giải, theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà H đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng Bà vẫn không đến tham gia. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngày 08/11/2016, bà Lê Thị H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng S; căn cứ vào thu nhập của bà Lê Thị H S đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.305.925 đồng. Sau đó, bà H không thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc và lãi suất như thỏa thuận. Hiện nay, còn nợ số tiền gốc là 7.310.295 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do triệu tập bà H đến làm việc nhưng không có mặt cũng như không có lời khai nên Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên Lê Thị H trong tài liệu cần giám định tại phần *"Chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 08/11/2016"* so với chữ ký và viết tên Lê Thị H trong mẫu so sánh tại mục *"Phần bên thế chấp trong hợp đồng thế chấp tài sản số 1276/2020/TC/EHL ngày 23/10/2020"* có phải do cùng một người ký và viết hay không để có căn cứ giải quyết vụ án.

Tại kết luận số 621/KL-KTHS ngày 30/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk có kết luận giám định, kết luận: *Chữ viết họ tên Lê Thị H dưới mục "chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết Lê Thị H dưới mục "bên thế chấp" trên mẫu so sánh ký hiệu M1, là do một người ký và viết ra.*

Như vậy, việc bà H có nợ của ngân hàng S 7.310.295 đồng tiền nợ gốc là có thật, việc thiết lập hợp đồng vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngân hàng S đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản nhưng bà H đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản. Việc bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng S, nên Ngân hàng S yêu cầu bà H phải trả 7.310.295 đồng nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ngân hàng S có yêu cầu bà H trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 31/7/2023 là 3.468.595 đồng. Trong bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và phụ lục hợp đồng có quy định về lãi suất linh động cho thẻ tín dụng cá nhân, nên cần chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: Do yêu cầu của ngân hàng S được chấp nhận nên cần buộc bà H phải chịu toàn bộ chi phí giám định, số tiền chi phí giám định này

ngân hàng S đã nộp tạm ứng. Vì vậy, bà H có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng S 5.250.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định.

[6] Về án phí dân sự: Do yêu cầu của ngân hàng S được chấp nhận nên cần buộc bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho ngân hàng S đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 159, Điều 160; Điều 161; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1 Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà Lê Thị H phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 10.778.890 đồng (Mười triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 7.310.295 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 3.468.595 đồng (lãi tạm tính đến ngày 31/7/2023).

Kể từ ngày 01/8/2023 bà Lê Thị H còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, theo mức lãi suất trong bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và phụ lục hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Về chi phí giám định: Bà Lê Thị H phải chịu 5.250.000 đồng tiền chi phí giám định, số tiền này ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng nên bà Lê Thị H phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S 5.250.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị H phải chịu 538.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần S 300.000 đồng tiền án phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2021/0011169, ngày 15/3/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S; bị đơn bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa